

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục
phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Xét Tờ trình số 4489/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; học viên học tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; học sinh tiểu học ở các cơ sở giáo dục phổ thông tự thực có giảng dạy cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025.

a) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

(Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng)

STT	Vùng/cấp học	Mức học phí thực tế học sinh phải nộp	
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến
I	Vùng thành thị (các phường và thị trấn)		
1	Mầm non:		
	- Trường đạt chuẩn quốc gia	180.000	135.000
	- Trường chưa đạt chuẩn quốc gia	90.000	67.500
2	Tiểu học	90.000	67.500
3	Trung học cơ sở	60.000	45.000
4	Trung học phổ thông	80.000	60.000

STT	Vùng/cấp học	Mức học phí thực tế học sinh phải nộp	
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến
II	Vùng nông thôn (các xã)		
1	Mầm non	50.000	37.500
2	Tiểu học	50.000	37.500
3	Trung học cơ sở	40.000	30.000
4	Trung học phổ thông	60.000	45.000

b) Đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông: mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

c) Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập.

Xã, phường, thị trấn có cơ sở giáo dục tiểu học loại hình công lập, nhưng không đáp ứng được quy mô dân số độ tuổi cấp tiểu học trên địa bàn, định mức học sinh/lớp cấp tiểu học theo quy định, cụ thể:

$$\frac{\text{Dân số độ tuổi cấp tiểu học}}{\text{Tổng số phòng học cấp tiểu học công lập}} > 35$$

Trong đó:

- 35 là định mức học sinh/lớp theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

- Dân số độ tuổi cấp tiểu học: (từ 06 đến 11 tuổi).

- Tổng số phòng học cấp tiểu học công lập: tổng số phòng học cấp tiểu học của cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn xã, phường, thị trấn.


Xã, phường, thị trấn thuộc tiêu chí nêu trên được xác định là địa bàn không đủ trường tiểu học công lập.

d) Mức học phí đối với cấp tiểu học quy định tại điểm a khoản 3 Điều này dùng làm căn cứ để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

đ) Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định của Chính phủ (trong đó, các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp 17 (chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ,
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm CB, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH BD;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Ly (4).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc